TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2018.
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng.

2. Bà Dương Xuân Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc T, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Số 7A/248/1 ấp 7, xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Thành T, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T có quen biết tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Long An vào ngày 14 tháng 02 năm 2003. Chị và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống nhưng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường

xuyên gây gỗ nhau và trong lúc nóng giận thì anh T có đánh chị, hiện tại cuộc sống gia đình chị không còn hạnh phúc nữa, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 3-2018 đến nay vẫn không có biện pháp khắc phục hàn gắn gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Thành T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên Trương Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2004 và Trương Kim S, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2008, hiện hai cháu T và cháu S đang sống chung với chị. Nay ly hôn chị tôn trọng theo nguyện vọng của con, con muốn sống chung với ai thì người đó nuôi, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Bị đơn anh Trương Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T trình bày cơ sở hôn nhân giữa anh và chị T như trên là đúng. Trong quá trình chung sống anh và chị T thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên gây gỗ nhau và trong lúc nóng giận anh có đánh chị T. Hiện tại anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 3-2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai cũng không có biện pháp khắc phục, hàn gắn gia đình. Nhưng nay anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung tên Trương Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2004 và Trương Kim S, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2008, hiện hai cháu T và cháu S đang sống chung với chị T. Nay ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao hai cháu Trương Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2004 và Trương Kim S, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2008 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không

yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị T, anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Thành T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Long An vào ngày 14 tháng 02 năm 2003, nên hôn nhân của chị T, anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo chị T mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng chung sống không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, hiện tại cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 03-4-2018 anh T thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên gây gỗ nhau và có lần trong lúc nóng giận anh T còn đánh chị T, hiện tại cả hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 3-2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh T yêu cầu đoàn tụ nhưng Tòa án tống đạt, niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa. Điều đó chứng tỏ thiện chí mong muốn đoàn tụ của anh T là không có, mà mục đích là để kéo dài gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh T. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Ngọc T và anh Trương Thành T có 02 con chung tên Trương Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2004 và Trương Kim S, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2008. Nay ly hôn chị T tôn trọng theo nguyện vọng của con, anh T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ ngày hai anh chị ly thân hai cháu sống chung với chị T. Mặt khác, cháu T và cháu S đã trên 7 tuổi, qua làm việc hai cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với chị T. Xuất phát từ lợi ích của cháu T và cháu S nên việc giao hai cháu cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị T nghe nhưng chị T vẫn giữ

nguyên ý kiến không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy nên ghi nhận.

Anh Trương Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Ngọc T và anh Trương Thành T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Ngọc T và anh Trương Thành T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ngọc T với anh Trương Thành T.

Chị Trần Ngọc T được ly hôn với anh Trương Thành T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Trương Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2004 và Trương Kim S, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2008 cho chị Trần Ngọc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trương Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Trương Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Ngọc T và anh Trương Thành T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Ngọc T và anh Trương Thành T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0021344 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh Trương Thành T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị T có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA B;
- UBND xã M, huyện D, tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân